

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế và Bộ tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-BNV ngày 30/12/2020 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương";

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Văn bản số 223/TTr - SNV ngày 01/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế và Bộ tiêu chí xác định Chỉ số Cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quy chế và Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính được sử dụng để chấm điểm, đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính hàng năm tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ CCHC, Bộ Nội vụ
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban, UB Kiểm tra, VP Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đảng ủy Khối các CQ và DN tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy;
- HĐND, UBND các huyện, TP, TX;
- PCVP Trần Tuấn Nghĩa;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NC₁.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh

QUY CHẾ

Xác định Chỉ số cải cách hành chính và Bộ tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế và Bộ tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính được áp dụng để xác định chỉ số cải cách hành chính (sau đây viết tắt là CCHC) hàng năm tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là cấp sở); Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh. Trong đó, 03 cơ quan Thanh tra tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh được đưa vào thực hiện đánh giá nhưng không xếp hạng chung với 16 sở và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, gồm: Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm xã hội tỉnh và Công an tỉnh.

Các cơ quan, đơn vị được quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này sau đây gọi chung là các đơn vị, địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc xác định chỉ số cải cách hành chính

1. Việc xác định chỉ số CCHC tại các đơn vị, địa phương phải được tổ chức định kỳ hàng năm.

2. Đảm bảo tính trung thực, công khai, khách quan, công bằng; phản ánh kịp thời, đúng tình hình thực tế kết quả thực hiện công tác CCHC của các đơn

vị, địa phương; điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung khi có thay đổi về quy định, nhiệm vụ, phù hợp với yêu cầu CCHC.

3. Công bố, công khai chỉ số CCHC sau đánh giá.

Chương II

TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ VÀ CÁCH TÍNH ĐIỂM

Điều 4. Tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính

1. Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC cấp sở.

a) Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC cấp sở được cấu trúc thành 08 lĩnh vực/nội dung đánh giá với 40 tiêu chí và 56 tiêu chí thành phần.

b) Thang điểm đánh giá: 100 điểm, trong đó: điểm chấm theo tiêu chí: 85 điểm, điểm điều tra xã hội học: 15 điểm.

(Cụ thể Bộ tiêu chí tại Phụ lục I).

2. Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC của UBND cấp huyện.

a) Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC của UBND cấp huyện được cấu trúc thành 09 lĩnh vực/nội dung đánh giá với 50 tiêu chí và 52 tiêu chí thành phần.

b) Thang điểm đánh giá: 100 điểm, trong đó: điểm chấm theo tiêu chí: 85 điểm; điểm điều tra xã hội học: 15 điểm.

(Cụ thể Bộ tiêu chí tại Phụ lục II).

3. Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC của UBND cấp xã.

a) Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC của UBND cấp xã được cấu trúc thành 09 lĩnh vực/nội dung đánh giá với 41 tiêu chí và 34 tiêu chí thành phần.

b) Thang điểm đánh giá: 100 điểm, trong đó: điểm chấm theo tiêu chí: 75 điểm; điểm điều tra xã hội học: 25 điểm.

(Cụ thể Bộ tiêu chí tại Phụ lục III).

4. Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

a) Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh được cấu trúc thành 05 lĩnh vực/nội dung đánh giá theo thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh với 20 tiêu chí và 30 tiêu chí thành phần.

b) Thang điểm đánh giá: 55 điểm, trong đó: điểm chấm theo tiêu chí: 40 điểm; điểm điều tra xã hội học: 15 điểm.

(Cụ thể Bộ tiêu chí tại Phụ lục IV).

Điều 5. Cách tính và chấm điểm

1. Cách tính điểm số của mỗi tiêu chí căn cứ vào kết quả, mức độ thực hiện nhiệm vụ. Điểm tối đa của tiêu chí được tính trong trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ ở mức cao nhất. Các nhiệm vụ không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc chưa đúng thì theo mức độ trừ đi số điểm theo quy định trong tổng số điểm hoặc tính theo công thức tỷ lệ đạt được so với số điểm quy định tối đa của tiêu chí.

2. Đối với cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức không có nội dung nhiệm vụ để đánh giá theo Bộ tiêu chí tương ứng được quy định tại Điều 4, Quy chế này thì áp dụng phương pháp: không chấm điểm của tiêu chí/tiêu chí thành phần đó, đồng thời trừ tương ứng số điểm không được chấm vào tổng điểm chung (trừ điểm đồng thời cả tử số và mẫu số).

3. Sở Nội vụ ban hành hướng dẫn chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong từng Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC của các đơn vị, địa phương (trên cơ sở thống nhất với các Sở, ngành chủ trì các lĩnh vực/nội dung CCHC của tỉnh).

Chương III

QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Điều 6. Quy trình xác định chỉ số cải cách hành chính

1. Các đơn vị, địa phương tự đánh giá và chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của đơn vị, địa phương mình theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bộ tiêu chí tương ứng.

a) Đối với cấp sở, UBND cấp huyện và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: gửi báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số CCHC của đơn vị, địa phương mình về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

b) Đối với UBND cấp xã: gửi báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số CCHC của địa phương mình về UBND cấp huyện.

c) Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số CCHC phải thể hiện đầy đủ điểm số thực tế của từng tiêu chí, tổng số điểm đạt được theo Bộ tiêu chí tương ứng với phụ lục I, II, III, IV ban hành kèm theo, đồng thời cung cấp đầy đủ các tài liệu kiểm chứng cho các kết quả đạt được (ghi rõ số, ký hiệu, trích yếu văn bản; số liệu cụ thể).

2. Hội đồng thẩm định đánh giá, xác định chỉ số CCHC (gọi tắt là Hội đồng thẩm định).

a) UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định tỉnh để giúp UBND tỉnh thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm thực hiện CCHC theo Bộ tiêu chí của cấp sở, UBND cấp huyện và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

b) UBND cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định cấp huyện để giúp UBND cấp huyện thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm thực hiện CCHC theo Bộ tiêu chí của UBND cấp xã trên địa bàn cấp huyện.

c) Căn cứ thẩm định:

- Kết quả theo dõi, đánh giá của các sở, ngành được UBND tỉnh giao phụ trách các lĩnh vực/nội dung CCHC (gồm Văn phòng UBND tỉnh, Cục thuế tỉnh và các sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư).

- Kết quả theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện phụ trách các lĩnh vực/nội dung CCHC thuộc UBND cấp huyện đối với Hội đồng thẩm định cấp huyện.

- Bảng tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị, địa phương và các tài liệu kiểm chứng kèm theo.

- Kết quả thẩm định thực tế tại đơn vị, địa phương của Hội đồng thẩm định cấp huyện và Hội đồng thẩm định cấp tỉnh.

3. Thực hiện điều tra xã hội học đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc nhóm điều tra xã hội học.

Thời gian thực hiện điều tra xã hội học: trong quý III, quý IV của năm đánh giá.

4. Tổng hợp điểm thẩm định và điểm điều tra xã hội học để xác định chỉ số CCHC của các đơn vị, địa phương, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện theo phân cấp quản lý.

5. Xếp hạng chỉ số CCHC

- Kết quả Chỉ số CCHC của 16 sở và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh được xếp hạng theo thứ tự từ cao xuống thấp. Riêng 03 cơ quan Thanh tra tỉnh; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh không xếp hạng chung với 16 sở và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

- Kết quả Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện; UBND cấp xã và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh được đánh giá, xếp hạng theo các khối cấp huyện, cấp xã và Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh tương ứng, với kết quả từ cao xuống thấp.

6. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt kết quả chỉ số CCHC đối với cấp sở, UBND cấp huyện và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh. Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt kết quả chỉ số CCHC của UBND cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

7. Thực hiện công bố chỉ số CCHC năm của các đơn vị, địa phương theo quy định.

Điều 7. Thời gian các đơn vị tự đánh giá, báo cáo chấm điểm thực hiện cải cách hành chính theo Bộ chỉ số

1. Các đơn vị, địa phương tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện CCHC theo Bộ tiêu chí: thực hiện vào tháng 11 hàng năm.

2. Thời gian gửi Báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số CCHC:

a) UBND cấp xã gửi UBND cấp huyện: chậm nhất vào ngày 10 tháng 11 hàng năm để thẩm định, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

b) Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện (kèm theo kết quả chỉ số CCHC của UBND các xã, phường, thị trấn); các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh gửi UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo): chậm nhất vào ngày 25 tháng 11 hàng năm.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định của tỉnh, có nhiệm vụ thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm thực hiện CCHC theo Bộ tiêu chí tương ứng của các đơn vị, địa phương theo thẩm quyền (sau đây gọi là Hội đồng thẩm định tỉnh). Hàng năm tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai xác định chỉ số CCHC và chủ trì tổ chức thực hiện sau khi kế hoạch được phê duyệt.

2. Tham mưu Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định tỉnh.

3. Ban hành văn bản hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh triển khai việc xác định chỉ số CCHC.

4. Nghiên cứu xác định đối tượng điều tra xã hội học và xây dựng bộ câu hỏi điều tra xã hội học phù hợp với từng nhóm đối tượng; xác định quy mô điều tra xã hội học phù hợp với Bộ tiêu chí và tổng hợp kết quả điều tra.

5. Tổng hợp số liệu để xác định chỉ số CCHC, xây dựng báo cáo kết quả chỉ số CCHC và trình UBND tỉnh phê duyệt chỉ số các cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền.

6. Tham mưu UBND tỉnh tổ chức công bố chỉ số CCHC và khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác CCHC của tỉnh hàng năm.

7. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí xác định chỉ số CCHC hàng năm.

8. Chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan rà soát Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC để trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quy định mới của Bộ Nội vụ và tình hình thực tế của tỉnh.

Điều 9. Trách nhiệm của các sở, ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Tài chính, Tư pháp, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế tỉnh

Theo dõi, đánh giá đối với từng lĩnh vực nội dung CCHC đã được UBND tỉnh phân công, quản lý theo chức năng, nhiệm vụ chuyên môn của mình và chịu trách nhiệm thực hiện thêm nhiệm vụ sau:

- Sở Tài chính phối hợp Sở Nội vụ lập dự toán kinh phí xác định chỉ số CCHC hàng năm của tỉnh theo quy định.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền về chỉ số CCHC của các đơn vị, địa phương trong kế hoạch tuyên truyền CCHC hàng năm.

Điều 10. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

1. Bố trí đủ kinh phí, nhân lực để triển khai việc xác định chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm của đơn vị, địa phương.

2. Tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo tự chấm điểm xác định chỉ số CCHC của đơn vị, địa phương mình theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

3. Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc tổ chức điều tra xã hội học để xác định chỉ số CCHC của đơn vị, địa phương mình.

4. UBND cấp huyện: hướng dẫn UBND cấp xã tự đánh giá, chấm điểm thực hiện CCHC theo Bộ tiêu chí cấp xã (Phụ lục III); ban hành kế hoạch triển khai xác định chỉ số CCHC; thành lập Hội đồng thẩm định để xác định chỉ số CCHC của UBND cấp xã; tổng hợp kết quả thẩm định, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

Điều 11. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí triển khai xác định chỉ số CCHC được đảm bảo bằng Ngân sách nhà nước.

2. Việc lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai xác định chỉ số CCHC hàng năm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành và các văn bản hướng dẫn Luật.

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, các đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế triển khai./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH